

Số: *11* /NQ-HĐND

Bình Phước, ngày *12* tháng *7* năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công  
trung hạn giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 6**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*  
*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*  
*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*  
*Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*  
*Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;*  
*Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;*  
*Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn đầu tư từ bội chi ngân sách địa phương;*  
*Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về Kế hoạch tài chính 5 năm 2021 - 2025;*  
*Xét Tờ trình số 135/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 và Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 35/BC-HĐND-KTNS ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 với các nội dung như sau:

Tổng Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 là 41.500 tỷ 074 triệu đồng, trong đó phân bổ chi tiết 38.905 tỷ 311 triệu đồng, dự phòng 2.594 tỷ 763 triệu đồng; giảm 3.405 tỷ 322 triệu đồng so với Nghị quyết số



19/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua, cụ thể:

a) Điều chỉnh tăng nguồn ngân sách trung ương và phân bổ thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia với số vốn là 1.332 tỷ 621 triệu đồng, bao gồm:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 793 tỷ 410 triệu đồng;
- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 10 tỷ 111 triệu đồng;
- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 529 tỷ 110 triệu đồng.

b) Điều chỉnh giảm nguồn vốn ngân sách địa phương từ thu sử dụng đất và xổ số kiến thiết theo kế hoạch tài chính 5 năm là 4.737 tỷ 953 triệu đồng, cụ thể:

- Thu tiền sử dụng đất giảm 3.818 tỷ 368 triệu đồng, trong đó:
  - + Khối tỉnh giảm 1.803 tỷ 992 triệu đồng;
  - + Khối huyện giảm 2.014 tỷ 376 triệu đồng.
- Thu xổ số kiến thiết giảm 919 tỷ 585 triệu đồng.

c) Điều chỉnh danh mục phân bổ các dự án giai đoạn 2021 - 2025 với số vốn là 6.029 tỷ đồng cho phù hợp với quy hoạch tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

(Kèm theo Biểu tổng hợp, Biểu số 1, Phụ lục 1, 1.1, 1.2, 1.3)

**Điều 2.** Đối với các dự án chuyển về thị xã Bình Long và huyện Bù Đốp đầu tư, yêu cầu đơn vị có trách nhiệm cân đối nguồn vốn thực hiện. Trường hợp điều chỉnh (nếu có) phải kế thừa báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt để tránh lãng phí đầu tư.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, TTHĐND, UBND, Đoàn ĐBQH, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH** *Phan*



*[Handwritten signature]*

**Huỳnh Thị Hằng**



**BIỂU TỔNG HỢP  
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số *11* /NQ-HĐND ngày *12* tháng *7* năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng.

Nguồn vốn	Kế hoạch vốn trung hạn 2021 - 2025 (19/NQ-HĐND và 31/NQ-HĐND)			Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn 2021 - 2025			Giảm	Tăng
	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
		Phân bổ chi tiết (90%)	Dự phòng (10%)		Phân bổ chi tiết	Dự phòng		
<b>Tổng số</b>	<b>44.905.396</b>	<b>41.203.796</b>	<b>3.701.600</b>	<b>41.500.074</b>	<b>38.905.311</b>	<b>2.594.763</b>	<b>4.737.953</b>	<b>1.332.631</b>
<b>I Ngân sách trung ương</b>	<b>5.031.934</b>	<b>5.031.934</b>	<b>-</b>	<b>6.364.565</b>	<b>6.364.565</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.332.631</b>
1 Vốn trong nước	4.763.034	4.763.034	-	6.095.665	6.095.665	-	-	1.332.631
Trong đó:								
- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				793.410	793.410			793.410
- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				10.111	10.111			10.111
- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				529.110	529.110			529.110
2 Vốn nước ngoài	268.900	268.900		268.900	268.900			
<b>II Ngân sách địa phương</b>	<b>39.873.462</b>	<b>36.171.862</b>	<b>3.701.600</b>	<b>35.135.509</b>	<b>32.540.746</b>	<b>2.594.763</b>	<b>4.737.953</b>	<b>-</b>
1 Vốn xây dựng cơ bản tập trung	2.693.600	2.693.600	-	2.693.600	2.693.600	-	-	-
2 Thu tiền sử dụng đất	31.266.000	28.139.400	3.126.600	27.447.632	24.867.869	2.579.763	3.818.368	-
- Tiền sử dụng đất khối tỉnh	21.866.000	19.679.400	2.186.600	20.062.008	17.482.245	2.579.763	1.803.992	-
- Tiền sử dụng đất khối huyện	9.400.000	8.460.000	940.000	7.385.624	7.385.624	-	2.014.376	-
3 Thu xổ số kiến thiết	5.600.000	5.040.000	560.000	4.680.415	4.680.415	-	919.585	-
4 Nguồn khác	313.862	298.862	15.000	313.862	298.862	15.000	-	-
- Hỗ trợ của thành phố Hồ Chí Minh	150.000	135.000	15.000	150.000	135.000	15.000	-	-
- Nguồn kết dư năm 2019 chuyển sang	51.762	51.762	-	51.762	51.762	-	-	-
- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	112.100	112.100	-	112.100	112.100	-	-	-



BIỂU SỐ 1

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 1 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021 - 2025 (19/NQ-HĐND và 31/NQ-HĐND)				Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Chủ đầu tư		
				Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh	Chia ra		Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh		Chia ra	
							Ngân sách huyện, thị xã, thành phố						Ngân sách huyện, thị xã, thành phố	
							Trong đó						Trong đó	
			Vốn XDCB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP				Vốn XDCB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP					
	<b>TỔNG SỐ</b>		51.908.347	41.203.796	5.031.934	26.130.462	1.581.400	8.460.000	38.905.311	6.364.565	23.573.722	1.581.400	7.385.624	
A	<b>DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA TỈNH</b>		42.256.802	23.082.496	4.258.434	18.824.062	-	-	22.085.887	5.527.565	16.558.322	-	-	
A1	Trả nợ vay ODA (dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)								64.860		64.860			
	Năm 2022								16.640		16.640			
	Năm 2023								16.360		16.360			
	Năm 2024								16.070		16.070			
	Năm 2025								15.790		15.790			
A2	Dự án chuyển tiếp		5.338.902	3.775.541	2.360.266	1.415.275	-	-	3.775.541	2.015.266	1.760.275	-	-	
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		3.851.130	3.100.200	2.220.700	879.500	-	-	3.100.200	1.875.700	1.224.500	-	-	
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	2992/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; 03/NQ-HĐND 16/4/2021	1.450.000	1.450.000	1.450.000	-	-	-	1.450.000	1.105.000	345.000	-	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư	987/QĐ-UBND ngày 7/5/2020; 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	450.000	367.000	320.000	47.000	-	-	367.000	320.000	47.000	-	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng đường kết nối các Khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	2178/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	220.000	171.800	171.800	-	-	-	171.800	171.800	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Đường từ ngã 3 Vườn Chuối (Quốc lộ 14) đến khu vực trảng cỏ Bù Lạch (thuộc tour du lịch nối với Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng Sok Bom Bo) xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	2403/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 988/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	100.000	10.000	10.000	-	-	-	10.000	10.000	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước (đường Minh Lập - Lộc Hiệp)	2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017	495.557	423.000	268.900	154.100	-	-	423.000	268.900	154.100	-	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	110.000	-	110.000	-	-	110.000	-	110.000	-	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Nâng cấp mở rộng ĐT 753B kết nối đường Đồng Phú - Bình Dương	2294/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	85.000	-	85.000	-	-	85.000	-	85.000	-	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Dan h mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021 - 2025 (19/NQ-HĐND và 31/NQ-HĐND)					Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Chủ đầu tư
				Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh	Chia ra		Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh	Chia ra		
							Ngân sách huyện, thị xã, thành phố					Ngân sách huyện, thị xã, thành phố		
							Trong đó					Trong đó		
Vốn XD CB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP	Vốn XD CB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP											
8	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	282.609	219.800	-	219.800			219.800	-	219.800			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
9	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mẹ đến quốc lộ 14C	1659/QĐ-UBND ngày 17/7/2018	89.834	27.800	-	27.800			27.800	-	27.800			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
10	Hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa tỉnh (đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)	2333/QĐ-UBND ngày 1/11/2019	58.130	22.000	-	22.000			22.000	-	22.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
11	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	200.000	160.000	-	160.000			160.000	-	160.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
12	Đường trục chính từ Quốc lộ 13 vào khu công nghiệp Tân khai II, huyện Hớn Quản tỉnh Bình Phước	2779/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	40.000	15.000	-	15.000			15.000	-	15.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
13	Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	2054/QĐ-UBND ngày 21/8/2017	105.000	38.800	-	38.800			38.800	-	38.800			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
II	Công nghiệp, hạ tầng KCN, KKT		915.672	140.190	97.690	42.500			140.190	97.690	42.500			
1	Cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013 - 2020	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	676.725	34.000	34.000	-			34.000	34.000	-			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	1246/QĐ-UBND ngày 23/5/2017	110.000	63.690	63.690	-			63.690	63.690	-			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I	980/QĐ-UBND ngày 09/5/2018	79.973	30.800	-	30.800			30.800	-	30.800			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào Becamex Bình Phước	1944/QĐ-UBND ngày 08/8/2017	48.974	11.700	-	11.700			11.700	-	11.700			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
III	Nông nghiệp, thủy lợi		110.000	41.876	41.876	-			41.876	41.876	-			
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Lộc Ninh	2198/QĐ-UBND ngày 24/8/2016; 989/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	110.000	41.876	41.876	-			41.876	41.876	-			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
IV	Giáo dục - Đào tạo		221.500	161.500	-	161.500			161.500	-	161.500			
1	Trường Cao đẳng Bình Phước	2319/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	150.000	110.000	-	110.000			110.000	-	110.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng khối phòng học, thư viện - trung tâm nghiên cứu khoa học trường THPT Đồng Xoài (trường học thông minh)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	71.500	51.500	-	51.500			51.500	-	51.500			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
V	Y tế		68.500	68.500	-	68.500			68.500	-	68.500			
1	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)	2785/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	68.500	48.500	-	48.500			48.500	-	48.500			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Cầu nối và sân vườn bệnh viện đa khoa tỉnh	1642a/QĐ-UBND ngày 20/7/2020	40.000	20.000	-	20.000			20.000	-	20.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VI	Quốc phòng - An ninh		112.100	50.100	-	50.100			50.100	-	50.100			
1	Xây dựng, nâng cấp doanh trại Bệnh xá K23 BCH Quân sự tỉnh	2462a/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	20.100	10.100	-	10.100			10.100	-	10.100			Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

STT	Danh mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021 - 2025 (19/NQ-HĐND và 31/NQ-HĐND)				Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Chủ đầu tư	
				Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra					
					NS trung ương	NS tỉnh		NS trung ương	NS tỉnh				
										Ngân sách huyện, thị xã, thành phố			Ngân sách huyện, thị xã, thành phố
Trong đó		Trong đó											
Vốn XDCB tập trung tỉnh phân cấp		Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP		Vốn XDCB tập trung tỉnh phân cấp		Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP							
2	Xây dựng, nâng cấp Trường Quân sự Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2467a/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	15.000	10.000	-	10.000	10.000	-	10.000	-	-	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
3	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh	2312/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	52.000	20.000	-	20.000	20.000	-	20.000	-	-	Công An tỉnh	
4	Đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Bù Đăng	2261/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	25.000	10.000	-	10.000	10.000	-	10.000	-	-	Công An tỉnh	
<b>VII</b>	<b>Quản lý Nhà nước</b>		<b>60.000</b>	<b>58.800</b>	-	<b>58.800</b>	<b>58.800</b>	-	<b>58.800</b>	-	-		
1	Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch		60.000	58.800	-	58.800	58.800	-	58.800	-	-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
<b>VIII</b>	<b>Vốn tất toán các công trình đã quyết toán</b>			<b>154.375</b>	-	<b>154.375</b>	<b>154.375</b>	-	<b>154.375</b>	-	-		
<b>A3</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>36.917.900</b>	<b>19.276.521</b>	<b>1.867.734</b>	<b>17.408.787</b>	-	-	<b>18.215.052</b>	<b>3.481.865</b>	<b>14.733.187</b>	-	-
<b>I</b>	<b>Đổi ứng dự án ODA</b>			<b>1.156.000</b>	-	<b>1.156.000</b>	-	-	<b>1.156.000</b>	-	<b>1.156.000</b>	-	-
1	Dự án cơ sở hạ tầng định hướng phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (dự án suối rạt + đường phía đông nam Quốc lộ 14)			1.000.000	-	1.000.000			1.000.000	-	1.000.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu - Thành phần tỉnh Bình Phước (2 trạm bơm và các kênh dẫn nước)			156.000	-	156.000			156.000	-	156.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
<b>II</b>	<b>Đổi ứng dự án PPP</b>		<b>24.150.000</b>	<b>4.443.500</b>	<b>1.500.000</b>	<b>2.943.500</b>	-	-	<b>3.597.500</b>	<b>1.766.500</b>	<b>1.831.000</b>	-	-
1	Xây dựng đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành		24.150.000	4.000.000	1.500.000	2.500.000			314.000		314.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)								3.000.000	1.766.500	1.233.500		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Thanh toán trả nợ tòa nhà TTHC tỉnh 2 năm (2024-2025)	20/NQ-HĐND ngày 16/12/2019		120.000	-	120.000			120.000	-	120.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Hạ tầng khu tái định cư Lâm viên và khu dân cư Phú Thịnh giai đoạn 2 phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài	03/NQ-HĐND ngày 16/4/2021		163.500	-	163.500			163.500	-	163.500		Sở Xây dựng
5	Hỗ trợ GPMB dự án BOT đường Đồng Phú - Bình Dương	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020		160.000	-	160.000							Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước
<b>III</b>	<b>Giao thông và Hạ tầng đô thị</b>		<b>7.780.000</b>	<b>6.989.234</b>	<b>232.734</b>	<b>6.756.500</b>	-	-	<b>6.107.234</b>	<b>232.734</b>	<b>5.874.500</b>	-	-
1	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	1.450.000	1.305.000	-	1.305.000			1.305.000		1.305.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa Vũng Tàu	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	655.000	584.234	232.734	351.500			584.234	232.734	351.500		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng đường phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Bầu Bàng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	440.000	396.000	-	396.000			396.000	-	396.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng đường kết nối Đồng Xoài - Hớn Quản	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	800.000	720.000	-	720.000			720.000	-	720.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng đường cấp theo đường dây 500kV đoạn Đồng Xoài - Đồng Phú	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	180.000	162.000	-	162.000			162.000	-	162.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Xây dựng tuyến kết nối ĐT753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (Lam Sơn - Tân Phước)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	180.000	162.000	-	162.000			162.000	-	162.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Xây dựng đường Đồng Hữu - Bầu Nôm, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành - Bầu Nôm)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	70.000	63.000	-	63.000			63.000	-	63.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021 - 2025 (19/NQ-HĐND và 31/NQ-HĐND)					Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Chủ đầu tư
				Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh	Chia ra		Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh	Chia ra		
							Ngân sách huyện, thị xã, thành phố					Ngân sách huyện, thị xã, thành phố		
							Trong đó					Trong đó		
Vốn XDCB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP	Vốn XDCB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP											
8	Xây dựng đường nối Đường vòng quanh Hồ Phước Hòa với khu công nghiệp Đồng Xoài I	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	120.000	108.000	108.000			108.000	108.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
9	Xây dựng đường nối Đồng Tiên - Tân Phú nối dài đến Tân Lập	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	200.000	180.000	180.000			180.000	180.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
10	Xây dựng đường Đồng Xoài - Tân Lập (vành đai phía Tây hồ suối Giai)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	70.000	63.000	63.000			63.000	63.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
11	Xây dựng Đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với tuyến ĐT755 nối ĐT753	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	100.000	90.000	90.000			90.000	90.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
12	Xây dựng cầu dân sinh	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	135.000	121.000	121.000			121.000	121.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
13	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Minh Hưng - Đồng Nơ (3 hạng mục phát sinh, gồm: điện chiếu sáng công cộng, đường dây 22KVA và trạm biến áp, trồng cây sao đen hai bên đường)	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	80.000	65.000	65.000			65.000	65.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
14	Xây dựng đường kết nối ngang Quốc lộ 13 và tuyến Tây Quốc lộ 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	150.000	135.000	135.000			135.000	135.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
15	Xây dựng các đường kết nối Quốc lộ 14 với các hồ bậc thang Suối Cam	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	150.000	135.000	135.000			135.000	135.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
16	Xây dựng đường từ ngã 3 Đồng Tâm huyện Lộc Ninh đi thị xã Phước Long	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	400.000	360.000	360.000								Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
17	Mở rộng ĐT.758 từ Bình Long đến Thuận Phú và đoạn kết nối Quốc lộ 14	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	500.000	450.000	450.000			450.000	450.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
18	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1-2 kết nối Quốc lộ 14	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	450.000	405.000	405.000			405.000	405.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
19	Đường từ Quốc lộ 14 xã Minh Thắng đi sân bay Tecnich	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	300.000	270.000	270.000								Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
20	Xây dựng đường Trung tâm hành chính xã Thành Tâm nối dài	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	60.000	54.000	54.000			54.000	54.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
21	Xây dựng đường phía tây nam huyện Đồng Phú (từ ĐT 741 vào đường Đồng Phú - Bình Dương)	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	220.000	198.000	198.000			198.000	198.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
22	Xây dựng đường tránh phía đông QL 13, đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	190.000	171.000	171.000			171.000	171.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
23	Xây dựng đường liên xã Hưng Chiến đi Thanh Lương thị xã Bình Long	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	280.000	252.000	252.000								Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
24	Xây dựng đường kết nối từ ấp Dền Dền thị trấn Tân Phú đi thành phố Đồng Xoài	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	100.000	90.000	90.000			90.000	90.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
25	Nâng cấp mở rộng ĐT.753B đoạn Lam Sơn - Đàng Hà	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	220.000	198.000	198.000			198.000	198.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
26	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cúi Chỏ qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp Quốc lộ 14C)	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	80.000	72.000	72.000			72.000	72.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
27	Xây dựng đường kết nối các khu công nghiệp khu vực huyện Chơn Thành	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	200.000	180.000	180.000			180.000	180.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
IV	Hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế		860.000	914.000	914.000			914.000	914.000					

STT	Danh mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021 - 2025 (19/NQ-HĐND và 31/NQ-HĐND)					Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Chủ đầu tư
				Chia ra					Chia ra					
				Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố		Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố		
							Trong đó					Trong đó		
			Vốn XDCB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP				Vốn XDCB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP					
1	Xây dựng mương công thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000	45.000			45.000	45.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
2	Xây dựng mương công thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000	45.000			45.000	45.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
3	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II).	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	100.000	90.000	90.000			90.000	90.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
4	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	60.000	54.000	54.000			54.000	54.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
5	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000	45.000			45.000	45.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
6	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000	45.000			45.000	45.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
7	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sico mở rộng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000	45.000			45.000	45.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
8	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000	45.000			45.000	45.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
9	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào Khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Đồng Phú	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000	45.000			45.000	45.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
10	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu công nghiệp Đồng Xoài II)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000	45.000			45.000	45.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
11	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	300.000	270.000	270.000			270.000	270.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
12	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp			140.000	140.000			140.000	140.000			Sở Công Thương		
V	Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp		886.000	595.000	595.000			781.000	781.000					
1	GPMB Hồ bậc thang suối cam (đối ứng NSTW)			347.200	347.200			347.200	347.200			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
2	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Đăk Woa huyện Bù Đăng	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	138.000	124.000	124.000			124.000	124.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
3	Dự án tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt	3327/QĐ-BNN-KH ngày 23/7/2021	646.000					186.000	186.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
4	Xây dựng công trình bảo vệ và phát triển rừng tại vườn Quốc gia Bù Gia Mập	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	82.000	73.800	73.800			73.800	73.800			Vườn QG.Bù Gia Mập		
5	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững (xây dựng các nhà chốt bảo vệ rừng)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 03/NQ-HĐND ngày 16/4/2021	20.000	18.000	18.000			18.000	18.000			Chi cục Kiểm Lâm		
6	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã			32.000	32.000			32.000	32.000			Liên minh HTX tỉnh		
VI	Giáo dục và Đào tạo		1.300.000	1.860.500	1.860.500			850.500	850.500					
1	Dự án đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2025	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	400.000	360.000	360.000							Sở Giáo dục và Đào tạo		



STT	Dan h mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021 - 2025 (19/NQ-HĐND và 31/NQ-HĐND)					Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Chủ đầu tư
				Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia ra				
					NS trung ương	NS tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố			NS trung ương	NS tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố		
							Trong đó					Trong đó		
			Vốn XDCB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP			Vốn XDCB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP						
2	GPMB xây dựng trung tâm giáo dục sáng tạo tỉnh			200.000		200.000								Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Hỗ trợ xây dựng 700 phòng học đạt trường chuẩn quốc gia và chương trình giáo dục phổ thông mới			490.000		490.000			490.000		490.000			Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu phân bổ chi tiết
3.1	Hỗ trợ huyện Bù Đốp 200 phòng học			140.000		140.000			140.000		140.000			
3.2	Hỗ trợ huyện Bù Đốp 40 phòng học			28.000		28.000			28.000		28.000			
3.3	Hỗ trợ huyện Bù Gia Mập 90 phòng học			63.000		63.000			63.000		63.000			
3.4	Hỗ trợ huyện Lộc Ninh 80 phòng học			56.000		56.000			56.000		56.000			
3.5	Hỗ trợ huyện Phú Riềng 80 phòng học			56.000		56.000			56.000		56.000			
3.6	Hỗ trợ huyện Hớn Quản 40 phòng học			28.000		28.000			28.000		28.000			
3.7	Hỗ trợ huyện Đồng Phú 40 phòng học			28.000		28.000			28.000		28.000			
3.8	Hỗ trợ huyện Chơn Thành 40 phòng học			28.000		28.000			28.000		28.000			
3.9	Hỗ trợ thị xã Bình Long 50 phòng học			35.000		35.000			35.000		35.000			
3.10	Hỗ trợ thị xã Phước Long 40 phòng học			28.000		28.000			28.000		28.000			
4	Dự án kiến cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg (300 phòng học)	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	300.000	270.000		270.000			270.000		270.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng trường TH, THCS&THPT Tân Phú thành phố Đồng Xoài	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	500.000	450.000		450.000								Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Xây dựng Trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT chuyên Quang Trung	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	15.000	13.500		13.500			13.500		13.500			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Xây dựng Trường THPT Phú Riềng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	85.000	77.000		77.000			77.000		77.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VII	Y tế		312.900	225.000		225.000			287.900		287.900			
1	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	150.000	135.000		135.000			135.000		135.000			Sở Y tế
2	Xây dựng Khu cách ly tập trung và Bệnh viện dã chiến tuyến tỉnh điều trị Covid-19	192/QĐ-UBND ngày 26/01/2022	32.900	-		-			32.900		32.900			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng Bệnh viện dã chiến K72	193/QĐ-UBND ngày 26/01/2022	30.000	-		-			30.000		30.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng Trung tâm y tế Thị xã Phước Long	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	50.000	45.000		45.000			45.000		45.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	50.000	45.000		45.000			45.000		45.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VIII	Văn hóa xã hội		689.000	620.500		620.500			620.500		620.500			
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	130.000	117.000		117.000			117.000		117.000			Đài PTTH tỉnh

STT	Danh mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021 - 2025 (19/NQ-HĐND và 31/NQ-HĐND)				Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Chủ đầu tư		
				Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh	Chia ra		Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh		Chia ra	
							Ngân sách huyện, thị xã, thành phố						Ngân sách huyện, thị xã, thành phố	
							Trong đó						Trong đó	
Vốn XD CB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP	Vốn XD CB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP											
2	Hệ thống sản xuất chương trình phát thanh và tổng khống chế truyền dẫn	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	30.000	27.000	27.000			27.000	27.000			Đài PTTH tỉnh		
3	Hệ thống sản xuất truyền hình và lưu trữ trung tâm	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	35.000	31.500	31.500			31.500	31.500			Đài PTTH tỉnh		
4	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Phước	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	150.000	135.000	135.000			135.000	135.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
5	Dự án công viên khu hành chính tỉnh	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	144.000	130.000	130.000			130.000	130.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
6	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	120.000	108.000	108.000			108.000	108.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
7	Xây dựng trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Bình Phước	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	80.000	72.000	72.000			72.000	72.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
IX	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số		561.000	505.400	505.400	-	-	505.400	505.400	-	-			
1	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 - 2025	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	446.000	401.400	401.400			401.400	401.400			Sở Thông tin và Truyền thông		
2	Đầu tư hệ thống loa thông minh cho các xã, phường, thị trấn	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	60.000	54.000	54.000			54.000	54.000			Sở Thông tin và Truyền thông		
3	Đầu tư hệ thống giám sát giao thông, an ninh trên địa bàn tỉnh	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	55.000	50.000	50.000			50.000	50.000			Công An tỉnh		
X	Quản lý Nhà nước		80.000	72.000	72.000	-	-	72.000	72.000	-	-			
1	Xây dựng nhà làm việc và nhà ở cho các lực lượng chức năng tại các cửa khẩu và lối mở biên giới	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	80.000	72.000	72.000			72.000	72.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
XI	Quốc phòng - An ninh		299.000	272.000	135.000	137.000	-	-	287.000	150.000	137.000	-	-	
1	Xây dựng trụ sở làm việc của Ban Chỉ huy quân sự thị xã Phước Long	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	35.000	31.500	31.500			31.500	31.500			Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh		
2	Giải phóng mặt bằng trường bắn Bù Đăng và xây dựng 02 nhà kho cất chứa mìn công binh	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	29.000	29.000	29.000			29.000	29.000			Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh		
3	Xây dựng các công trình khu vực phòng thủ	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000	45.000			45.000	45.000			Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh		
4	Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đắc O, huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện, huyện Bù Đốp; Lộc An, huyện Lộc Ninh; Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	216/QĐ-UBND ngày 25/1/2021	150.000	135.000	135.000			150.000	150.000			Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng		
5	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Công an tỉnh	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	35.000	31.500	31.500			31.500	31.500			Công An tỉnh		
XII	Chương trình MTQG NTM			1.295.000		1.295.000			1.824.110	529.110	1.295.000	-	-	Chi tiết phụ lục 1.1
XIII	Chương trình giảm nghèo bền vững			250.000		250.000			260.111	10.111	250.000			Chi tiết phụ lục 1.2
XIV	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								873.410	793.410	80.000			Chi tiết phụ lục 1.3
XV	Vốn chuẩn bị đầu tư			78.387		78.387			78.387		78.387			

STT	Danh mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021 - 2025 (19/NQ-HĐND và 31/NQ-HĐND)					Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Chủ đầu tư
				Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh	Chia ra		Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh	Chia ra		
							Vốn XDCB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP				Vốn XDCB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP	
Ngân sách huyện, thị xã, thành phố		Ngân sách huyện, thị xã, thành phố												
A4	Hoàn trả tạm ứng trung ương			30.434	30.434	-	-	-	30.434	30.434	-	-	-	
1	Khu công nghiệp Chơn Thành (giai đoạn 1)	736/QĐ-UBND ngày 10/4/2008	70.000	3.712	3.712	-	-	-	3.712	3.712	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Dự án đầu tư sản xuất giống cây cao và cao su giai đoạn 2007 - 2010	2694/QĐ-UBND ngày 26/10/2016.	9.130	2.722	2.722	-	-	-	2.722	2.722	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước M26	2710/QĐ-UBND ngày 27/10/2016.	10.000	6.000	6.000	-	-	-	6.000	6.000	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Phú Sơn	2947/QĐ-UBND ngày 16/11/2016	12.000	2.000	2.000	-	-	-	2.000	2.000	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thọ Sơn	2472/QĐ-UBND ngày 29/9/2017.	8.000	8.000	8.000	-	-	-	8.000	8.000	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Sa Cát	2658/QĐ-UBND ngày 25/10/2016.	8.000	8.000	8.000	-	-	-	8.000	8.000	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
B	<b>DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHỐI HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ</b>		<b>9.651.545</b>	<b>18.121.300</b>	<b>773.500</b>	<b>7.306.400</b>	<b>1.581.400</b>	<b>8.460.000</b>	<b>16.819.424</b>	<b>837.000</b>	<b>7.015.400</b>	<b>1.581.400</b>	<b>7.385.624</b>	
I	<b>Thành phố Đồng Xoài</b>		<b>1.140.000</b>	<b>2.330.910</b>	<b>100.000</b>	<b>777.500</b>	<b>154.710</b>	<b>1.298.700</b>	<b>1.037.210</b>	<b>105.000</b>	<b>777.500</b>	<b>154.710</b>	<b>-</b>	
I	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>415.000</b>	<b>225.000</b>	<b>100.000</b>	<b>125.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>230.000</b>	<b>105.000</b>	<b>125.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1.1	Kè và hệ thống đường giao thông dọc hai bên suối Đồng Tiến - suối Tâm Vòng thị xã Đồng Xoài	2137/QĐ-UBND ngày 10/9/2018	150.000	25.000	-	25.000	-	-	25.000	-	25.000	-	-	UBND TP Đồng Xoài
1.2	Xử lý cấp bách dự án thoát lũ suối đá thành phố Đồng Xoài	1661a/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	135.000	100.000	100.000	-	-	-	105.000	105.000	-	-	-	UBND TP Đồng Xoài
1.3	Hỗ trợ thành phố Đồng Xoài GPMB dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	2137/QĐ-UBND ngày 10/9/2018	130.000	100.000	-	100.000	-	-	100.000	-	100.000	-	-	UBND TP Đồng Xoài
2	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>725.000</b>	<b>652.500</b>	<b>-</b>	<b>652.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>652.500</b>	<b>-</b>	<b>652.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
2.1	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	65.000	58.500	-	58.500	-	-	58.500	-	58.500	-	-	UBND TP Đồng Xoài
2.2	Xây dựng đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	80.000	72.000	-	72.000	-	-	72.000	-	72.000	-	-	UBND TP Đồng Xoài
2.3	Xây dựng đường vành đai thành phố Đồng Xoài từ khu Công nghiệp Đồng Xoài I đến đường Phú Riêng Đò	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	300.000	270.000	-	270.000	-	-	270.000	-	270.000	-	-	UBND TP Đồng Xoài
2.4	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến Quốc lộ 14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	250.000	225.000	-	225.000	-	-	225.000	-	225.000	-	-	UBND TP Đồng Xoài
2.5	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riêng Đò đến đường Nguyễn Huệ - phường Tân Đông)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	30.000	27.000	-	27.000	-	-	27.000	-	27.000	-	-	UBND TP Đồng Xoài
II	<b>Huyện Chơn Thành</b>		<b>899.545</b>	<b>2.698.810</b>	<b>-</b>	<b>721.700</b>	<b>142.010</b>	<b>1.835.100</b>	<b>863.710</b>	<b>-</b>	<b>721.700</b>	<b>142.010</b>	<b>-</b>	
1	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>139.545</b>	<b>37.700</b>	<b>-</b>	<b>37.700</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>37.700</b>	<b>-</b>	<b>37.700</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1.1	Các tuyến đường trục xuyên tâm để hình thành các phường huyện Chơn Thành	2270/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	139.545	37.700	-	37.700	-	-	37.700	-	37.700	-	-	UBND huyện Chơn Thành
2	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>760.000</b>	<b>684.000</b>	<b>-</b>	<b>684.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>684.000</b>	<b>-</b>	<b>684.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
2.1	Xây dựng đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	80.000	72.000	-	72.000	-	-	72.000	-	72.000	-	-	UBND huyện Chơn Thành

STT	Dan h mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021 - 2025 (19/NQ-HĐND và 31/NQ-HĐND)					Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Chủ đầu tư
				Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh	Chia ra		Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh	Chia ra		
							Ngân sách huyện, thị xã, thành phố					Ngân sách huyện, thị xã, thành phố		
							Trong đó					Trong đó		
Vốn XD CB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP	Vốn XD CB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP											
2.2	Hỗ trợ GPMB tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	16/NQ-HĐND ngày 09/4/2021 của huyện Chơn Thành	130.000	117.000	117.000			117.000	117.000					UBND huyện Chơn Thành
2.3	Xây dựng đường liên khu phố 4, khu phố 5 thị trấn Chơn thành đến KCN Chơn Thành	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	100.000	90.000	90.000			90.000	90.000					UBND huyện Chơn Thành
2.4	Xây dựng Đường vành đai thị trấn Chơn Thành kết nối KCN Becamex	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	120.000	108.000	108.000			108.000	108.000					UBND huyện Chơn Thành
2.5	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	60.000	54.000	54.000			54.000	54.000					UBND huyện Chơn Thành
2.6	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn Thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	100.000	90.000	90.000			90.000	90.000					UBND huyện Chơn Thành
2.7	Xây dựng các tuyến đường ngang kết nối tuyến cao tốc Chơn Thành - Hoa Lư (phía Tây QL13)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	80.000	72.000	72.000			72.000	72.000					UBND huyện Chơn Thành
2.8	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào cụm công nghiệp và khu nông nghiệp công nghệ cao Nha Bích	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	80.000	72.000	72.000			72.000	72.000					UBND huyện Chơn Thành
2.9	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	10.000	9.000	9.000			9.000	9.000					UBND huyện Chơn Thành
III	Huyện Đồng Phú		1.345.000	1.843.370	360.000	850.500	165.770	467.100	1.416.270	400.000	850.500	165.770		
1	Dự án khởi công mới		1.345.000	1.210.500	360.000	850.500	-	-	1.250.500	400.000	850.500	-	-	
1.1	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	372.000	334.800	334.800			334.800	334.800					UBND huyện Đồng Phú
1.2	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	400.000	360.000	360.000			360.000	360.000					UBND huyện Đồng Phú
1.3	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	340.000	306.000	306.000			306.000	306.000					UBND huyện Đồng Phú
1.4	Xây dựng đường từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	130.000	117.000	117.000			117.000	117.000					UBND huyện Đồng Phú
1.5	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước - Đồng Tiến - Đồng Tâm, huyện Đồng Phú	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	40.000	36.000	36.000			36.000	36.000					UBND huyện Đồng Phú
1.6	Nâng cấp mở rộng đường đường Phú Riêng Đò từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	38.000	34.200	34.200			34.200	34.200					UBND huyện Đồng Phú
1.7	Xây dựng Trường mầm non Tân Lập	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	25.000	22.500	22.500			22.500	22.500					UBND huyện Đồng Phú
IV	Huyện Lộc Ninh		1.055.000	1.455.130	135.000	674.000	179.030	467.100	988.030	135.000	674.000	179.030		
1	Dự án chuyển tiếp		245.000	80.000	-	80.000	-	-	80.000	-	80.000	-	-	
1.1	Đường tránh Quốc lộ 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	2484/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	245.000	80.000	80.000			80.000	80.000					UBND huyện Lộc Ninh
2	Dự án khởi công mới		810.000	729.000	135.000	594.000	-	-	729.000	135.000	594.000	-	-	
2.1	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối Quốc lộ 13	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 03/NQ-HĐND ngày 16/4/2021	30.000	27.000	27.000			27.000	27.000					UBND huyện Lộc Ninh

STT	Danh mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021 - 2025 (19/NQ-HĐND và 31/NQ-HĐND)				Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Chủ đầu tư		
				Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh	Chia ra		Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh		Chia ra	
							Ngân sách huyện, thị xã, thành phố						Ngân sách huyện, thị xã, thành phố	
							Trong đó						Trong đó	
Vốn XDCB tập trung tính phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP	Vốn XDCB tập trung tính phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP											
2.2	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối Quốc lộ 13	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 03/NQ-HĐND ngày 16/4/2021	30.000	27.000	27.000			27.000		27.000			UBND huyện Lộc Ninh	
2.3	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối Quốc lộ 13	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	45.000	40.500	40.500			40.500		40.500			UBND huyện Lộc Ninh	
2.4	Xây dựng đường liên xã Lộc Thuận - Lộc Hiệp - Lộc Quang kết nối đường ĐT756 và ĐT759B	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	100.000	90.000	90.000			90.000		90.000			UBND huyện Lộc Ninh	
2.5	Xây dựng đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành kết nối Quốc lộ 13	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	60.000	54.000	54.000			54.000		54.000			UBND huyện Lộc Ninh	
2.6	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ XI6	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	90.000	81.000	81.000			81.000		81.000			UBND huyện Lộc Ninh	
2.7	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chè Biển đi cầu Đò xã Lộc Điền)	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	150.000	135.000	135.000			135.000	135.000				UBND huyện Lộc Ninh	
2.8	Xây dựng đường Tà Thiệt - Hoa Lư kết nối đường phía Tây QL13	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 03/NQ-HĐND ngày 16/4/2021	100.000	90.000	90.000			90.000		90.000			UBND huyện Lộc Ninh	
2.9	Cải tạo suối chống hạn (đoạn từ chân đập nước Lộc tấn đến cầu Chè Biển)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 03/NQ-HĐND ngày 16/4/2021	100.000	90.000	90.000			90.000		90.000			UBND huyện Lộc Ninh	
2.10	Xây dựng 12 phòng học và nhà đa năng Trường THPT. Lộc Hiệp	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	15.000	13.500	13.500			13.500		13.500			UBND huyện Lộc Ninh	
2.11	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	20.000	18.000	18.000			18.000		18.000			UBND huyện Lộc Ninh	
2.12	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Thái	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	20.000	18.000	18.000			18.000		18.000			UBND huyện Lộc Ninh	
2.13	Xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000	45.000			45.000		45.000			UBND huyện Lộc Ninh	
V	Huyện Bù Đốp		840.000	1.328.020	670.200	123.220	534.600	609.420		486.200	123.220			
1	Dự án chuyển tiếp		140.000	40.000	40.000			40.000		40.000				
1.1	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn từ xã Phước Thiện đi cửa khẩu Hoàng Diệu	1647/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	140.000	40.000	40.000			40.000		40.000			UBND huyện Bù Đốp	
2	Dự án khởi công mới		700.000	630.200	630.200			446.200		446.200				
2.1	Nâng cấp đường ĐT759B đoạn từ Chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trắng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	40.000	36.000	36.000			36.000		36.000			UBND huyện Bù Đốp	
2.2	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	160.000	144.000	144.000			54.500		54.500			UBND huyện Bù Đốp	
2.3	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	55.000	49.500	49.500			49.500		49.500			UBND huyện Bù Đốp	
2.4	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	80.000	72.100	72.100			72.100		72.100			UBND huyện Bù Đốp	
2.5	Xây dựng đường vành đai từ đường Lê Duẩn (ĐT 759) đi xã Thiện Hưng huyện Bù Đốp	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	70.000	63.000	63.000								UBND huyện Bù Đốp	

STT	Danh mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021 - 2025 (19/NQ-HĐND và 31/NQ-HĐND)					Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Chủ đầu tư
				Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh	Chia ra		Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh	Chia ra		
							Vốn XDCB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP				Vốn XDCB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP	
2.6	Xây dựng đường ĐT.759B đi đôn biên phòng 793	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	35.000	31.500	31.500									UBND huyện Bù Đốp
2.7	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đôn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	110.000	99.100	99.100									UBND huyện Bù Đốp
2.8	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện cần đơn tưới cho cánh đồng Sóc Nê xã Tân Tiến huyện Bù Đốp	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	30.000	27.000	27.000									UBND huyện Bù Đốp
2.9	Xây dựng Khối hiệu bộ, khối bộ môn, nhà đa năng Trường THPT Tân Tiến	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	30.000	27.000	27.000									UBND huyện Bù Đốp
2.10	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	30.000	27.000	27.000									UBND huyện Bù Đốp
2.11	Xây dựng trường mầm non Hưng Phước	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	30.000	27.000	27.000									UBND huyện Bù Đốp
2.12	Xây dựng Trường Tiểu học Thanh Bình B	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	30.000	27.000	27.000									UBND huyện Bù Đốp
VI	<b>Huyện Bù Gia Mập</b>		<b>694.000</b>	<b>912.970</b>	-	<b>624.600</b>	<b>135.370</b>	<b>153.000</b>	<b>759.970</b>	-	<b>624.600</b>	<b>135.370</b>		
I	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>694.000</b>	<b>624.600</b>	-	<b>624.600</b>			<b>624.600</b>	-	<b>624.600</b>			
1.1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 760 từ ngã tư ĐT 741 đến cầu Đăk C xã Phú Văn (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT 741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	150.000	135.000	135.000				135.000		135.000			UBND huyện Bù Gia Mập
1.2	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối thị xã Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến Quốc lộ 14C)	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	75.000	67.500	67.500				67.500		67.500			UBND huyện Bù Gia Mập
1.3	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kìa qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	60.000	54.000	54.000				54.000		54.000			UBND huyện Bù Gia Mập
1.4	Đường và cầu từ xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	65.000	58.500	58.500				58.500		58.500			UBND huyện Bù Gia Mập
1.5	Xây dựng đường liên xã từ Phú Nghĩa đi Phú Văn	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	54.000	48.600	48.600				48.600		48.600			UBND huyện Bù Gia Mập
1.6	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	90.000	81.000	81.000				81.000		81.000			UBND huyện Bù Gia Mập
1.7	Xây dựng đập làm hồ nước cung cấp cho TTHC huyện và đường dẫn nối tuyến đường ĐT 760 chạy qua TTHC huyện Bù Gia Mập	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	90.000	81.000	81.000				81.000		81.000			UBND huyện Bù Gia Mập
1.8	Xây dựng Hồ chứa nước Bình Hà 2	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 03/NQ-HĐND ngày 16/4/2021	40.000	36.000	36.000				36.000		36.000			UBND huyện Bù Gia Mập
1.9	Xây dựng Trường Tiểu học Hoàng Diệu xã Phú Nghĩa	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	30.000	27.000	27.000				27.000		27.000			UBND huyện Bù Gia Mập
1.10	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	40.000	36.000	36.000				36.000		36.000			UBND huyện Bù Gia Mập
VII	<b>Huyện Bù Đăng</b>		<b>630.000</b>	<b>1.233.160</b>	-	<b>567.000</b>	<b>165.760</b>	<b>500.400</b>	<b>732.760</b>	-	<b>567.000</b>	<b>165.760</b>		
I	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>630.000</b>	<b>567.000</b>	-	<b>567.000</b>			<b>567.000</b>	-	<b>567.000</b>			

STT	Danh mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021 - 2025 (19/NQ-HĐND và 31/NQ-HĐND)				Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Chủ đầu tư
				Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:				
					NS trung ương	NS tỉnh		NS trung ương	NS tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố		
										Trong đó		
Vốn XDCB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP	Vốn XDCB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP									
1.1	Xây dựng Đường từ Quốc lộ 14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thông Nhất	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	60.000	54.000	54.000			54.000	54.000			UBND huyện Bù Đăng
1.2	Nâng cấp, mở rộng đường từ Quốc lộ 14 đi xã Đăk Nhau	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	80.000	72.000	72.000			72.000	72.000			UBND huyện Bù Đăng
1.3	Xây dựng đường liên xã Thông nhất đi xã Phước Sơn huyện Bù Đăng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	65.000	58.500	58.500			58.500	58.500			UBND huyện Bù Đăng
1.4	Xây dựng đường liên xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng tới xã Đăk Ngo, Tuy Đức	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000	45.000			45.000	45.000			UBND huyện Bù Đăng
1.5	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	40.000	36.000	36.000			36.000	36.000			UBND huyện Bù Đăng
1.6	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	60.000	54.000	54.000			54.000	54.000			UBND huyện Bù Đăng
1.7	Xây dựng đường liên xã từ Bình Minh đi Minh Hưng (tuyến trong)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	30.000	27.000	27.000			27.000	27.000			UBND huyện Bù Đăng
1.8	Xây dựng đường liên xã Phú Sơn - Đồng Nai, huyện Bù Đăng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	30.000	27.000	27.000			27.000	27.000			UBND huyện Bù Đăng
1.9	Xây dựng hệ thống kênh mương tưới tiêu cho cánh đồng Đăng Hà, huyện Bù Đăng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	75.000	67.500	67.500			67.500	67.500			UBND huyện Bù Đăng
1.10	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	15.000	13.500	13.500			13.500	13.500			UBND huyện Bù Đăng
1.11	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng Trường THPT Lương Thế Vinh	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	15.000	13.500	13.500			13.500	13.500			UBND huyện Bù Đăng
1.12	Xây dựng Trường mẫu giáo Sơn Ca xã Thông Nhất, huyện Bù Đăng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	20.000	18.000	18.000			18.000	18.000			UBND huyện Bù Đăng
1.13	Xây dựng Trường mẫu giáo Hoa Lan xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 03/NQ-HĐND ngày 16/4/2021	20.000	18.000	18.000			18.000	18.000			UBND huyện Bù Đăng
1.14	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000	45.000			45.000	45.000			UBND huyện Bù Đăng
1.15	Xây dựng Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	20.000	18.000	18.000			18.000	18.000			UBND huyện Bù Đăng
VIII	Thị xã Bình Long		648.000	1.319.260	519.400	132.060	667.800	544.460	412.400	132.060		
1	Dự án chuyển tiếp		91.000	18.100	18.100			18.100	18.100			
1.1	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long	2784/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	91.000	18.100	18.100			18.100	18.100			UBND thị xã Bình Long
2	Dự án khởi công mới		557.000	501.300	501.300			394.300	394.300			
2.1	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	70.000	63.000	63.000			63.000	63.000			UBND thị xã Bình Long
2.2	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	130.000	117.000	117.000			79.300	79.300			UBND thị xã Bình Long
2.3	Xây dựng đường Đoàn Thị Điểm kết nối trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	77.000	69.300	69.300							UBND thị xã Bình Long
2.4	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	130.000	117.000	117.000			117.000	117.000			UBND thị xã Bình Long
2.5	Xây dựng trường THPT Bình Long	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	150.000	135.000	135.000			135.000	135.000			UBND thị xã Bình Long
IX	Thị xã Phước Long		525.000	1.926.000	472.500	118.800	1.334.700	591.300	472.500	118.800		

STT	Danh mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021 - 2025 (19/NQ-HĐND và 31/NQ-HĐND)						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư
				Chia ra						Chia ra						
				Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố		Tổng số	NS trung ương	NS tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố				
							Trong đó					Trong đó				
			Vốn XDCB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP				Vốn XDCB tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP							
1	Dự án khởi công mới		525.000	472.500	-	472.500	-	-	472.500	-	472.500	-	-			
1.1	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000	-	45.000	-	-	45.000	-	45.000	-	-	UBND thị xã Phước Long		
1.2	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	60.000	54.000	-	54.000	-	-	54.000	-	54.000	-	-	UBND thị xã Phước Long		
1.3	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	80.000	72.000	-	72.000	-	-	72.000	-	72.000	-	-	UBND thị xã Phước Long		
1.4	Nâng cấp, mở rộng Đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	55.000	49.500	-	49.500	-	-	49.500	-	49.500	-	-	UBND thị xã Phước Long		
1.5	Xây dựng đường từ ĐT.759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	60.000	54.000	-	54.000	-	-	54.000	-	54.000	-	-	UBND thị xã Phước Long		
1.6	Đầu tư, cải tạo hệ thống thủy lợi, khai thông ngập úng cánh đồng Sơn Long (từ khu vực hồ Đak Tol phường Sơn Giang đến thôn An Lương xã Long Giang)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	140.000	126.000	-	126.000	-	-	126.000	-	126.000	-	-	UBND thị xã Phước Long		
1.7	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	80.000	72.000	-	72.000	-	-	72.000	-	72.000	-	-	UBND thị xã Phước Long		
X	<b>Huyện Hớn Quản</b>		<b>965.000</b>	<b>1.338.330</b>	<b>166.500</b>	<b>702.000</b>	<b>135.930</b>	<b>333.900</b>	<b>1.022.930</b>	<b>185.000</b>	<b>702.000</b>	<b>135.930</b>	-			
1	Dự án khởi công mới		965.000	868.500	166.500	702.000	-	-	887.000	185.000	702.000	-	-			
1.1	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hớn Quản	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	180.000	162.000	-	162.000	-	-	162.000	-	162.000	-	-	UBND huyện Hớn Quản		
1.2	Xây dựng đường từ xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản đi xã Long Tân, huyện Phú Riềng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	100.000	90.000	-	90.000	-	-	90.000	-	90.000	-	-	UBND huyện Hớn Quản		
1.3	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	270.000	243.000	-	243.000	-	-	243.000	-	243.000	-	-	UBND huyện Hớn Quản		
1.4	Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu vực công nghiệp Minh Hưng Sıkico huyện Hớn Quản	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	185.000	166.500	166.500	-	-	-	185.000	185.000	-	-	-	UBND huyện Hớn Quản		
1.5	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan huyện Hớn Quản	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	60.000	54.000	-	54.000	-	-	54.000	-	54.000	-	-	UBND huyện Hớn Quản		
1.6	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	110.000	99.000	-	99.000	-	-	99.000	-	99.000	-	-	UBND huyện Hớn Quản		
1.7	Xây dựng Trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sıkico)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	30.000	27.000	-	27.000	-	-	27.000	-	27.000	-	-	UBND huyện Hớn Quản		
1.8	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	30.000	27.000	-	27.000	-	-	27.000	-	27.000	-	-	UBND huyện Hớn Quản		
XI	<b>Huyện Phú Riềng</b>		<b>910.000</b>	<b>1.735.340</b>	<b>12.000</b>	<b>727.000</b>	<b>128.740</b>	<b>867.600</b>	<b>867.740</b>	<b>12.000</b>	<b>727.000</b>	<b>128.740</b>	-			
1	Dự án chuyển tiếp		180.000	82.000	12.000	70.000	-	-	82.000	12.000	70.000	-	-			
1.1	Xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	2316/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	100.000	70.000	-	70.000	-	-	70.000	-	70.000	-	-	UBND huyện Phú Riềng		
1.2	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	1322/QĐ-UBND ngày 31/5/2017; 374/QĐ-UBND ngày 28/02/2020	80.000	12.000	12.000	-	-	-	12.000	12.000	-	-	-	UBND huyện Phú Riềng		
2	Dự án khởi công mới		730.000	657.000	-	657.000	-	-	657.000	-	657.000	-	-			



STT	Danh mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021 - 2025 (19/NQ-HĐND và 31/NQ-HĐND)				Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Chủ đầu tư	
				Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra					
					NS trung ương	NS tỉnh		NS trung ương	NS tỉnh				
										Trong đó			Trong đó
Vốn XDCB tập trung tính phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP	Vốn XDCB tập trung tính phân cấp	Nguồn sử dụng đất của huyện, thị, TP										
2.1	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	85.000	76.500	76.500			76.500		76.500			UBND huyện Phú Riềng
2.2	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng).	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000	45.000			45.000		45.000			UBND huyện Phú Riềng
2.3	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	200.000	180.000	180.000			180.000		180.000			UBND huyện Phú Riềng
2.4	Xây dựng Kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản).	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	90.000	81.000	81.000			81.000		81.000			UBND huyện Phú Riềng
2.5	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	120.000	108.000	108.000			108.000		108.000			UBND huyện Phú Riềng
2.6	Xây dựng đường kết nối 2 Khu công nghiệp Long Tân - Long Hà	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	40.000	36.000	36.000			36.000		36.000			UBND huyện Phú Riềng
2.7	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTTC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	100.000	90.000	90.000			90.000		90.000			UBND huyện Phú Riềng
2.8	Xây dựng Nhà đa năng và hạ tầng Trường THPT Nguyễn Khuyến	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	10.000	9.000	9.000			9.000		9.000			UBND huyện Phú Riềng
2.9	Xây dựng Trường mầm non phục vụ Khu công nghiệp Long Hà	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	35.000	31.500	31.500			31.500		31.500			UBND huyện Phú Riềng

PHỤ LỤC 1

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 19 tháng 1 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

DVT: Triệu đồng.



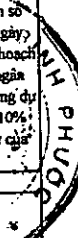
Danh mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07/12/2021			Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Giảm	Tăng	Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:						
				NS trung ương	NS tỉnh		NS trung ương	NS tỉnh					
<b>TỔNG SỐ</b>		29.530.900	8.688.300	3.711.500	4.976.800	8.688.300	3.711.500	4.976.800	6.029.000	6.029.000			
<b>A</b>	<b>Trà nợ vay ODA (dự án Minh Lập-Lộc Hiệp)</b>					64.860		64.860		64.860		Sở Tài chính	
	Năm 2022					16.640		16.640					
	Năm 2023					16.360		16.360					
	Năm 2024					16.070		16.070					
	Năm 2025					15.790		15.790					
<b>B</b>	<b>Thực hiện dự án</b>	29.530.900	8.688.300	3.711.500	4.976.800	8.623.440	3.711.500	4.911.940	6.029.000	5.964.140			
	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025	1.585.000	1.550.000	1.550.000	-	1.555.000	1.210.000	345.000	-	5.000			
<b>I</b>	<b>Giao thông - vận tải &amp; Hạ tầng đô thị</b>	1.585.000	1.550.000	1.550.000	-	1.555.000	1.210.000	345.000	-	5.000			
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	2992/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	1.450.000	1.450.000	1.450.000	1.450.000	1.105.000	345.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Thực hiện Quyết định 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, toàn bộ vốn GPMB (345 tỷ đồng) do địa phương bố trí	
2	Xử lý cấp bách dự án thoát lũ suối đá thành phố Đồng Xoài	1661a/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	135.000	100.000	100.000	105.000	105.000			5.000	UBND thành phố Đồng Xoài	Thực hiện Công văn số 6222/BKHĐT-TH ngày 16/9/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí đủ ngân sách địa phương đối ứng dự án (không tiết kiệm 10% trên tổng mức đầu tư của dự án)	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		27.945.900	7.138.300	2.161.500	4.976.800	7.068.440	2.501.500	4.566.940	6.029.000	5.959.140		
<b>I</b>	<b>Đối ứng dự án ODA</b>		646.000	-	-	-	186.000	-	186.000	-	186.000		
1	Dự án tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt	3327/QĐ-BNN-KH ngày 23/7/2021	646.000				186.000		186.000		186.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Chủ trương đầu tư do Bộ NN&PTNT phê duyệt UBND tỉnh cam kết đối ứng toàn bộ vốn GPMB (186 tỷ đồng) tại Văn bản 2448/UBND-TH ngày 21/7/2021
<b>II</b>	<b>Đối ứng dự án PPP</b>		24.902.000	4.836.800	1.500.000	3.336.800	3.447.800	1.766.500	1.681.300	4.389.000	3.000.000		
1	Xây dựng đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh-Thủ Dầu Một-Chơn Thành		24.150.000	4.000.000	1.500.000	2.500.000	314.000		314.000	3.686.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)						3.000.000	1.766.500	1.233.500		3.000.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	

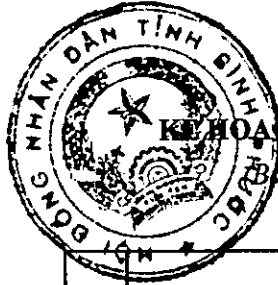


STT	Danh mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07/12/2021			Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Giảm	Tăng	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
					NS trung ương	NS tỉnh		NS trung ương	NS tỉnh				
3	Xây dựng đường liên xã Hưng Chiến đi Thanh Lương TX Bình Long	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	280.000	252.000		252.000			252.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Chuyển UBND thị xã Bình Long làm chủ đầu tư, cần đối đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại theo Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND	
4	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	160.000	144.000		144.000	54.500		89.500		UBND huyện Bù Đốp	UBND huyện Bù Đốp đối ứng 89 tỷ 500 triệu đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại theo Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND	
5	Xây dựng đường vành đai từ đường Lê Duẩn (ĐT 759) đi xã Thiện Hưng huyện Bù Đốp	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	70.000	63.000		63.000			63.000		UBND huyện Bù Đốp	Huyện Bù Đốp cần đối đầu tư từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất để lại theo Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND	
6	Xây dựng đường ĐT.759B đi đôn biên phòng 793	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	35.000	31.500		31.500			31.500		UBND huyện Bù Đốp	Huyện Bù Đốp cần đối đầu tư từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất để lại theo Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND	
7	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	130.000	117.000		117.000	79.300		37.700		UBND thị xã Bình Long	UBND thị xã Bình Long đối ứng 37 tỷ 700 triệu đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại theo Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND	
8	Xây dựng đường Đoàn Thị Điểm kết nối trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	77.000	69.300		69.300			69.300		UBND thị xã Bình Long	Tuyến đường này nằm trong quy hoạch đô thị mới Nam An Lộc, nhà đầu tư sẽ thực hiện	
9	Hỗ trợ GPMB dự án BOT đường Đồng Phú - Bình Dương	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020		160.000		160.000			160.000		Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước		
III	Giao thông và Hạ tầng đô thị		1.435.000	1.291.500	661.500	630.000	735.000	735.000	630.000	73.500			
1	Xây dựng đường từ ngã 3 Đồng Tâm huyện Lộc Ninh đi TX Phước Long	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	400.000	360.000		360.000			360.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
2	Đường từ QL14 xã Minh Thắng đi sân bay Tecnic	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	300.000	270.000		270.000			270.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh		



STT	Danh mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07/12/2021			Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Giảm	Tăng	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
					NS trung ương	NS tỉnh		NS trung ương	NS tỉnh				
3	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đông Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đông Phú	214/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	400.000	360.000	360.000	400.000	400.000			40.000	UBND huyện Đông Phú	Thực hiện Công văn số 6222/BKHĐT-TH ngày 16/9/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí đủ ngân sách địa phương đối ứng dự án (không tiết kiệm 10% trên tổng mức đầu tư của dự án)	
4	Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu vực khu công nghiệp Minh Hưng Sikico huyện Hón Quán	551/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	185.000	166.500	166.500	185.000	185.000			18.500	UBND huyện Hón Quán	Thực hiện Công văn số 6222/BKHĐT-TH ngày 16/9/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí đủ ngân sách địa phương đối ứng dự án (không tiết kiệm 10% trên tổng mức đầu tư của dự án)	
5	Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đắc O huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện huyện Bù Đốp; Lộc An huyện Lộc Ninh; Lộc Thiện huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	216/QĐ-UBND ngày 25/1/2021	150.000	135.000	135.000	150.000	150.000			15.000	Bộ Chỉ huy BDBP	Thực hiện Công văn số 6222/BKHĐT-TH ngày 16/9/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí đủ ngân sách địa phương đối ứng dự án (không tiết kiệm 10% trên tổng mức đầu tư của dự án)	
<b>IV</b>	<b>Giáo dục và Đào tạo</b>		<b>900.000</b>	<b>1.010.000</b>		<b>1.010.000</b>				<b>1.010.000</b>			
1	GPMB xây dựng trung tâm giáo dục sáng tạo tỉnh			200.000		200.000				200.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
2	Dự án đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025		400.000	360.000		360.000				360.000			
3	Xây dựng trường TH, THCS&THPT Tân Phú TP.Đông Xoài	18/NQ-HĐND ngày	500.000	450.000		450.000				450.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
<b>V</b>	<b>Y tế</b>		<b>62.900</b>			<b>62.900</b>				<b>62.900</b>			
1	Xây dựng Khu cách ly tập trung và Bệnh viện dã chiến tuyến tỉnh điều trị Covid-19	192/QĐ-UBND ngày 26/01/2022	32.900			32.900				32.900	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Dự án khẩn cấp đã được bố trí vốn thực hiện tại Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	
2	Xây dựng Bệnh viện dã chiến K72	193/QĐ-UBND ngày 26/01/2022	30.000			30.000				30.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Dự án khẩn cấp đã được bố trí vốn thực hiện tại Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	
<b>VI</b>	<b>Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐBĐTTT và miền núi (Vốn đối ứng NSTW)</b>					<b>80.000</b>				<b>80.000</b>	Ban dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở KHĐT tham mưu giao chi tiết		
<b>VII</b>	<b>Số còn lại chưa phân bổ 2.556 tỷ 740 triệu đồng đưa vào dự phòng</b>					<b>2.556.740</b>				<b>2.556.740</b>			





Phụ lục 1.1

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MTQG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

Ban hành kèm theo Nghị quyết số *11* /NQ-HĐND ngày *12* tháng *7* năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn 2021 - 2025			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn Trung ương	Vốn tỉnh	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1.824.100</b>	<b>529.100</b>	<b>1.295.000</b>	Nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh giao Văn phòng NTM tỉnh phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết
1	Các xã đặc biệt khó khăn	10.995	10.995		Gồm các xã Lộc Quang, Lộc Phú, Phú Văn, Đak O, Bù Gia Mập
2	Xã ATK chưa đạt chuẩn	1.691	1.691		Lộc Thành
3	Các xã phấn đấu về đích	373.731	373.731		Minh Đức, An Phú, Minh Tâm, Thanh An, Tân Hưng (huyện Hớn Quản), Lộc Khánh, Lộc Quang, Lộc Hòa, Lộc Thành, Lộc Phú (huyện Lộc Ninh), Hưng Phước, Phước Thiện (huyện Bù Đốp); Phước Minh, Phú Văn, Đak O, Bù Gia Mập (huyện Bù Gia Mập), Long Bình, Long Tân, Long Hà, Phú Trung, Phước Tân (huyện Phú Riềng), Thống Nhất, Đường 10, Thọ Sơn, Đoàn Kết, Đak Nhau, Phước Sơn, Nghĩa Bình, Đồng Nai, Đăng Hà (huyện Bù Đăng)
4	Các huyện phấn đấu về đích	131.683	131.683		Lộc Ninh, Phú Riềng, Hớn Quản
5	Thưởng công trình phúc lợi	11.000	11.000		Đồng Xoài, Phước Long, Bình Long, Đức Liễu, Minh Hưng (huyện Chơn Thành)



Phụ lục 1.2

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI  
ĐOẠN 2021 - 2025**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số //NQ-HĐND ngày / tháng / năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu Đồng

Số TT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn 2021 - 2025			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn Trung ương	Vốn tỉnh	
	Tổng số	260.110	10.110	250.000	Nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh sẽ điều chỉnh theo từng nhiệm vụ giảm nghèo của tỉnh; Giao Sở LĐTĐ&XH phối hợp với Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết
	Dự án 4: Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	10.110	10.110		
1	Các sở, ban, ngành tỉnh	7.077	7.077		Giao Sở LĐTĐ&XH phối hợp với Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết
2	Các huyện, thị, thành phố	3.033	3.033		
2.1	Thị xã Phước Long	159	159		
2.2	Thành phố Đồng Xoài	224	224		
2.3	Thị xã Bình Long	166	166		
2.4	Huyện Bù Gia Mập	336	336		
2.5	Huyện Lộc Ninh	308	308		
2.6	Huyện Phú Riềng	270	270		
2.7	Huyện Bù Đốp	245	245		
2.8	Huyện Hớn Quản	378	378		
2.9	Huyện Đồng Phú	233	233		
2.10	Huyện Bù Đăng	490	490		
2.11	Huyện Chơn Thành	224	224		

Phụ Lục 1.3



**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐBĐTTS và MN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn 2021-2025			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn Trung ương	Vốn tỉnh	
	<b>Tổng số</b>	<b>873.410</b>	<b>793.410</b>	<b>80.000</b>	Nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh giao Ban Dân tộc phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết
1	Dự án thành phần 1	121.334	121.334	-	Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết vốn TW cho các đơn vị khi có thông tư hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất
2	Dự án thành phần 2	432.984	432.984	-	
3	Dự án thành phần 4	170.435	170.435	-	
4	Tiểu dự án 1 thuộc Dự án thành phần 5	37.268	37.268	-	
5	Dự án thành phần 6	28.869	28.869	-	
6	Dự án thành phần 10	2.520	2.520	-	